

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-PT

Ngày: 02-6-2022

*“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê M Khương - Thư ký Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/ DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Văn G, sinh năm 1934; Địa chỉ: ấp HL 2, xã VL, huyện CT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn G: Ông Trương Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp HL1, xã VL, huyện CT, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/09/2019)

2. Bà Nguyễn Thị PC, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long .

3. Ông Võ Văn C1, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện Tam

Bình, tỉnh Vĩnh Long .

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị H1, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp CK, xã MP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số A, ấp LH, xã TĐ, huyện LH, Vĩnh Long.

- *Người C1 quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Võ Ngọc M T1, sinh năm 1983

2. Anh Võ Ngọc Hải Á, sinh năm 1985

3. Anh Võ Ngọc M T2, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của các anh Võ Ngọc Hải Á, Võ Ngọc M T2: Bà Nguyễn Thị PC (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2019, C1 mặt).

4. Ông Hồ Đắc Thành N, sinh năm 1963

5. Bà Trần Thị Nguyệt M, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Số Q, đường NK, Phường AL, Quận K, Thành phố Cần Thơ.

6. Ông Bùi Thanh T2, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 218/2, Khu phố S, Phường TD, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai (C1 mặt).

7. Bà Trần Thị Ngọc B1, sinh năm 1977; địa chỉ: A4-162C, khu dân cư F, khu phố G, phường AP, Thị xã T, tỉnh Bình Dương (C1 mặt).

8. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1963

9. Anh Võ Ngọc T4, sinh năm 1982

10. Chị Nguyễn Thùy V, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị T3, anh Võ Ngọc T4, chị Nguyễn Thùy V: Ông Võ Văn C1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/08/2019).

11. Bà Võ Thị B2, sinh năm 1930 (chết vào ngày 10/10/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B2 gồm C1:

- Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1954

- Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1979

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961

- Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Số y, đường TP, Phường M, Thành phố G, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn P3, sinh năm 1956; địa chỉ: Khóm A, phường MT, Thành Phố X, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1968; địa chỉ: Số r, khóm ĐT, Phường

MP, Thành phố X, tỉnh An Giang.

12. Ông Trần Ngọc Q2; địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

13. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: Khóm s, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Hoàng H5 – Chức vụ: Chi cục trưởng.

14. Ủy Ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: Khóm r, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T6 – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái: Ông Nguyễn Thanh V – (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2021).

15. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V; địa chỉ: Số B, đường TP, Phường e, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H7 – Chức vụ: Giám đốc.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị PC

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2013, khởi kiện bổ sung ngày 29/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn G trình bày:

Vào năm 1958 ông G cùng với cha ruột là ông Võ Văn Ngò C1 khai phá đất H1g diện tích khoảng 30 công ruộng tại ấp Phú Hòa Yên, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 1959, ông G lập gia đình thì ông Ngò C1 cho tiếp ông G 06 công đất để cất nhà và lập vườn. Gia đình ông Ngò C1 bà Trào, ông Bảy và bà H1 sống chung với nhau. Thời điểm này ông G canh tác tổng cộng là 21 công đất, do phía ông Ngò cho từ năm 1959 đến năm 1974, ông G được chính quyền (chế độ cũ) cấp giấy chứng khoán đất cho ông G, ông G canh tác đến năm 1980 thì ông G C1 đăng ký chương trình đất do chính phủ quy định. Đến năm 1982 thì ông G C1 cho con là Võ Văn Tôi 02 công đất ruộng để cất nhà và lập vườn. Đến năm 1991 thì ông G C1 đăng ký qua chương trình đất. Đến năm 1995 thì ông G được Ủy ban N dân huyện Tam Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 1505, diện tích 1.050m² và thửa 1511, diện tích 3.460m², loại đất 2 lúa, cùng tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vào ngày 05/9/2006, bà Võ Thị H1 yêu cầu chia tài sản chung được Tòa án N dân huyện Tam Bình giải quyết bằng Bản án số 136/2008/DS-ST, ngày 21/11/2008 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1 cho bà H1 được hưởng diện tích 1.050m², đất ruộng thuộc thửa 1505 và diện tích 3.460m², đất ruộng thuộc thửa 1511, đất cùng tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông G

kháng cáo được Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long xét xử bằng Bản án số 199/2009/DS-PT, ngày 10/7/2009 tuyên án chấp nhận cho bà H1 hưởng hai phần trên đất nêu trên. Sau đó, ngày 20/8/2009 thì Chi cục Thi hành án huyện Tam Bình ra quyết định thi hành án số 459/QĐ-THA, ngày 20/8/2009 theo yêu cầu của bà H1, tới ngày 27/8/2009 thì ông G C1 gửi đơn yêu cầu Giám đốc thẩm được tiếp nhận. Đến ngày 07/01/2010 thì Chi cục Thi hành án ra Quyết định cưỡng chế thi hành án số 24/QĐ-THA, cưỡng chế giao quyền sử dụng đất theo Bản án phúc thẩm tại hai phần đất trên cho bà H1. Tại thời điểm cưỡng chế thì hai phần đất trên đang canh tác lúa (lúa mùa Đông Xuân) mà phần đất trên ông G đã cõ cho ông C1 rồi. Thời điểm cưỡng chế thì ông G không C1 mặt và hiện nay các tài sản là lúa trên phần đất cưỡng chế do Cơ quan Thi hành án huyện Tam Bình đang quản lý.

Sau khi nhận bàn giao hai phần đất thì bà H1 chuyển nhượng cho ông Bùi Thanh T2 phần đất thửa 1511, diện tích 3.460m² và chuyển nhượng cho ông Hồ Đắc Thành N thửa 1505, diện tích 1.050m². Hiện nay phần đất trên ông T2 đang canh tác, còn ông N thì xin chuyển mục đích lên đất vườn. Đến năm 2012 thì Tòa án N dân tối cao C1 Quyết định số 460/2012/QSS-GĐT, ngày 26/9/2012 tuyên hủy bản án phúc thẩm 199/2009/DS-PT, ngày 10/7/2009 của Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 136/2008/DS-ST, ngày 21/11/2008 của Tòa án N dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm. Đến ngày 13/3/2013 thì ông G C1 đơn khởi kiện đòi lại tài sản là thửa 1511, diện tích 3.460m² và thửa 1505, diện tích 1.050m², ngày 04/6/2013 thì Tòa án N dân huyện Tam Bình thụ lý vụ án. Đến ngày 02/02/2018, Tòa án N dân huyện Tam Bình xét xử tuyên yêu cầu bà Võ Thị H1 trả lại giá trị quyền sử dụng đất trên cho ông G, phía ông G không chấp nhận C1 kháng cáo được Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 200/2018/DS-PT, ngày 29/11/2018 tuyên hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về Tòa án N dân huyện Tam Bình giải quyết lại.

Quá trình Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý hồ sơ giải quyết phúc thẩm, vào ngày 19/9/2018 C1 đo đạc thực tế phần đất mà giữa ông G và bà H1 tranh chấp thửa đất cũ số 1505, thửa mới 60, diện tích 1.038,1m², loại đất lúa, khi thi hành giao đất xong bà H1 C1 chuyển nhượng cho ông N và bà Nguyệt. Hiện nay ông N đã đào ao nuôi cá. Còn phần đất tại thửa đất cũ 1511, thửa mới 228, diện tích 3.755,1m², loại đất lúa, khi thi hành giao đất xong bà H1 C1 chuyển nhượng cho ông T2. Hiện nay ông T2 là người trực tiếp canh tác.

Ông G đồng ý theo số liệu T1ch đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Vĩnh Long cung cấp, không yêu cầu Tòa án N dân huyện Tam Bình thực hiện việc đo đạc lại. Ông G C1 đưa ra giá đất chuyển nhượng thực tế tại địa phương ấp PH, xã PT tại các thửa đất 1505 (cũ); thửa 60 (mới) và thửa 1511 (cũ); thửa 228 (mới), loại đất trồng lúa C1 giá là: 110.000đ/1m².

Nay ông Võ Văn G yêu cầu bà Võ Thị H1 trả lại thửa đất cũ số 1505, thửa mới 60, diện tích đo đạc thực tế là 1.038,1m² và thửa đất cũ 1511, thửa mới 228, diện tích đo đạc thực tế là 3.755,1m², loại đất 2 lúa đã chuyển sang đất vườn, đất

cùng tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Võ Văn G yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1505, diện tích 1.050m², thửa mới 60, diện tích 1.319,4m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long được UBND huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Hồ Đắc Thành N và bà Trần Thị Nguyệt M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất cũ 1511, diện tích 3.460m², thửa mới 228, diện tích 3.755,1m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long được UBND huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Bùi Thanh T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về phần cải tạo, san lấp từ đất ruộng sang đất vườn của ông N thì ông G không đồng ý bồi thường mà để phía bà H1 và ông N tự giải quyết với nhau. Ngoài ra ông Võ Văn G không C1 yêu cầu gì thêm.

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/6/2017, 26/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn C1 trình bày:

Vào năm 2004 ông Võ Văn G là cha ruột của ông cố cho ông phần đất tại thửa 1505 (thửa mới 60), diện tích 1.050m² (diện tích mới 1.319,4m²) và tại thửa 1511 (thửa 228), diện tích 3.460m² (diện tích mới 3.806m²) cố với giá là 45 chỉ vàng 24K, cố không thời hạn, C1 làm giấy tay cố đất, sau khi cố đất thì ông canh tác ổn định không tranh chấp. Đến năm 2010 là vụ lúa Đông Xuân thì vào ngày 14/3/2010 Cơ quan thi hành án huyện Tam Bình tiến hành kê biên thu hồi hai phần đất trên, thời điểm thu hồi thì trên phần đất này đang canh tác lúa nhưng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình và bà H1 không cho ông thu hoạch mà tự thu hoạch và giữ toàn bộ số lúa đã thu hoạch cho đến nay. Do đó, ông C1 yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình và bà H1 phải bồi thường thiệt hại cho ông số lúa thu hoạch từ mùa Đông Xuân năm 2010 đến mùa Đông Xuân năm 2019 với số tiền 271.641.000đ.

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2013, khởi kiện bổ sung ngày 7/01/2015, 19/12/2015, 21/12/2016, 05/4/2017, 11/01/2018, 24/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị PC trình bày:

Vào năm 1982, ông Võ Văn G (cha) C1 cho con là ông Võ Văn Tôi (chồng bà) diện tích là 2.000m² đất ruộng để ông Tôi lập vườn và cất nhà ở. Đến năm 1995, ông Tôi được UBND huyện Tam Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1557A-B, diện tích 2.030m², loại đất thổ quả, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Tôi đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Tôi canh tác từ năm 1982 đến năm 2005 không ai tranh chấp. Đến năm 2006 thì bà Võ Thị H1 (là cô ruột ông Tôi) phát sinh tranh chấp chia tài sản chung với ông G.

Vào ngày 05/9/2006, bà Võ Thị H1 được Tòa án N dân huyện Tam Bình giải quyết bằng Bản án số 136/2008/DS-ST, ngày 21/11/2008 chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà H1 cho bà H1 được hưởng một phần diện tích đất tại chiết thửa 1557A-B, diện tích 650m², đất thổ quả, tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bản án trên C1 ông Tôi kháng cáo được Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long xét xử bằng bản án số 199/2009/DS-PT, ngày 10/7/2009 tuyên án chấp nhận cho bà H1 được phần đất đo đạc khảo sát lại tại chiết thửa 1557A-B, diện tích 521m². Sau đó, ngày 20/8/2009 thì chi cục thi hành án huyện Tam Bình ra quyết định thi hành án số 459/QĐ-THA, ngày 20/8/2009 theo yêu cầu của bà H1, tới ngày 27/8/2009 thì ông Tôi C1 gửi đơn yêu cầu Giám đốc thẩm xem xét lại bản án số 199/2009/DS-PT, ngày 10/7/2009 thì được Giám đốc thẩm tiếp nhận và đến ngày 03/9/2009 thì bà Ca C1 gửi cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình giấy xác nhận đã tiếp nhận Giám đốc thẩm và yêu cầu tạm dừng thi hành án nhưng đến ngày 07/01/2010 thì Chi cục Thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án số 24/QĐ-THA cưỡng chế giao quyền sử dụng đất theo Bản án phúc thẩm giao phần đất tại chiết thửa số 1557A-B, diện tích 521m² cho bà H1. Tại thời điểm cưỡng chế giao đất thì trên đất C1 14 cây dừa, 02 cây mận, 02 cây mai và 02 cây còng đều do ông Tôi trồng, nhưng khi cơ quan Thi hành án không lập biên bản là các tài sản để giao ai là người quản lý.

Sau khi nhận bàn giao phần đất tại chiết thửa số 1557A-B, diện tích 521m² cho bà H1 thì bà H1 đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Ngọc B1, phía bà H1 đã được UBND huyện Tam Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 2175 – 521m², sau đó bà H1 sang tên tách bộ cho bà B1 được đứng tên phần đất tại thửa 224-2, diện tích chung là 1.093,8m². Đến năm 2012 thì Tòa án N dân tối cao C1 quyết định số 460/2012/QĐ-GĐT, ngày 26/9/2012 tuyên hủy Bản án phúc thẩm số 199/2009/DS-PT, ngày 10/7/2009 của Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long và hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 136/2008/DS-ST, ngày 21/11/2008 của Tòa án N dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm. Đến tháng 4/2013 ông Tôi qua đời, C1 vợ là bà Nguyễn Thị PC tiếp tục khởi kiện phía bà H1, cho nên bà PC C1 đơn khởi kiện đòi lại tài sản là phần đất tại chiết thửa 1557A-B, diện tích 521m², ngày 4/6/2013 thì Tòa án N dân huyện Tam Bình thụ lý vụ án. Đến ngày 02/02/2018 Tòa án N dân huyện Tam Bình xét xử tuyên yêu cầu bà Võ Thị H1 trả lại giá trị quyền sử dụng đất trên cho bà PC, phía bà Ca không chấp nhận C1 kháng cáo được Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 200/2008/DS-PT, ngày 29/11/2018 tuyên hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án N dân huyện Tam Bình giải quyết lại.

Nay Bà Nguyễn Thị PC yêu cầu bà Võ Thị H1 trả lại thửa đất cũ 1557A-B, diện tích 521m², diện tích đo đạc thực tế thửa mới 265, diện tích là 552,5m², loại đất trồng cây LÂ năm, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Trần Thị Ngọc B1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị PC yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 265, diện tích là 552,5m² (trước đây là một phần thửa 224, diện tích là 1.093,8m²), loại đất trồng cây LÂ năm, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long được Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Trần Thị Ngọc B1 đứng

tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị PC rút lại yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất là 157.000.000đ (gồm 14 cây dừa, 02 cây mận, 02 cây mai và 02 cây còng, đường cho thuê máy cắt lúa thuê trong năm 2010 là 10.500.000đ gồm 5 máy), T hợp bà Ca được chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì trên phần đất C1 một bức tường của bà B1 thì bà Ca yêu cầu di dời trả lại hiện trạng và không đồng ý bồi thường, nếu bà B1 lấy thì đập bỏ, còn không thì để nguyên.

Trong đơn phản tố ngày 10/7/2017 và trong biên bản ghi lời khai ngày 05/11/2019, bị đơn bà Võ Thị H1 trình bày:

Bà là con của bà Phạm Thị Trào và ông Võ Văn Ngò, cha mẹ bà đã chết và để lại di sản thừa kế gồm: 01 căn nhà và tài sản trong nhà, 12.000m² đất vườn và 34.000m² đất ruộng. Ông G quản lý 6.900m² đất vườn tọa lạc ấp Phú Hòa Yên, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long và 17.000 m² đất ruộng hai lúa, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình. Ông Bấy nhận 5.050m² đất vườn, tọa lạc ấp Phú Hòa Yên, xã Song Phú, huyện Tam Bình và 17.000m² đất ruộng hai lúa, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình.

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 136/2008/DS.ST ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Tòa án N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long và bản án dân sự phúc thẩm số 199/DSPT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long thì bà được chia phần tài sản chung là:

- 1.800m² thuộc chiết thửa 59, đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa Yên, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Văn Bấy đứng tên và tự nguyện chia cho bà, phần này đã thi hành xong, ông Bấy không C1 tranh chấp gì với bà.

- 3.460m² đất hai lúa thuộc thửa 1511 và 1.050m² thuộc thửa 1505 tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, do ông Võ Văn G đứng tên, phần này cũng đã được thi hành án xong theo quy định của pháp luật.

- 521m² đất thuộc thửa 1557A-B, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, do ông Võ Văn Tôi đứng tên, phần này đã thi hành án xong. Sau khi 02 bản án nêu trên đã được thi hành xong, bà đã nhận phần tài sản nêu trên, nhưng sau đó Tòa án tối cao đã tuyên hủy 02 bản án sơ thẩm, phúc thẩm.

Nay bà yêu cầu Tòa án N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thụ lý, giải quyết cho bà được hưởng phần di sản thừa kế của cha mẹ bà để lại gồm:

- 3.460m² đất hai lúa thuộc thửa 1511 và 1.050m² thuộc thửa 1505 tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- 521m² đất thuộc thửa 1557A-B, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- 2.000m² loại đất vườn, thuộc thửa 56, tọa lạc ấp Phú Hòa Yên, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trong 04 phần đất nêu trên thì bà đã nhận được (qua thi hành án huyện Tam Bình) các quyền sử dụng đất: 3.460m² đất hai lúa thuộc thửa 1511 và 1.050m² thuộc thửa 1505 tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; 521m² đất thuộc thửa 1557A-B, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Đối với 2.000m² đất thuộc thửa 56 bà chưa nhận, nay bà yêu cầu ông Võ Văn G và bà Bùi Kim Loan, ông Nguyễn Văn Dũng C1 trách nhiệm giao cho bà 2.000m², loại đất vườn, thuộc thửa 56, tọa lạc tại ấp Phú Hòa Yên, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Bà không đồng ý theo yêu cầu của ông G trả lại phần đất C1 diện tích 1.050m² thuộc thửa 1505 và diện tích 3.460m² thuộc thửa 1511 đất tại ấp PH, xã PT và bồi thường chi phí san lấp để khôi phục hiện trạng 50.000.000đ; không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 60, diện tích 1.319,4m² do ông Hồ Đắc Thành N, bà Trần Thị Nguyệt M đứng tên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 228, diện tích 3.806m² do ông Bùi Thanh T2 đứng tên.

Bà không đồng ý trả phần đất C1 diện tích 521m², tại chiết thửa 1557A-B cho bà PC; không đồng ý cùng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình bồi thường thiệt hại về cây trồng chi phí là 337.000.000đ; không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 224-2, diện tích 1.093,8m² do bà Trần Thị Ngọc B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà không đồng ý cùng chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình bồi thường thiệt hại các vụ lúa cho ông C1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người C1 quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Ngọc M T1: Không C1 yêu cầu độc lập, Thống nhất theo bà Nguyễn Thị PC.

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 26/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người C1 quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Đắc Thành N trình bày:

Nguyên vào năm 2011, ông C1 mua 1 thửa đất của bà Võ Thị H1, thửa đất số 1505 (thửa mới 60), diện tích 1.050m² (diện tích mới 1.319,4m²), loại đất 2 lúa, tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã được UBND huyện Tam Bình ra Giấy CNQSDĐ số 995627, ngày 04/11/2011, đất này ông đã chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lã năm từ đó cho đến nay. Thời điểm mua bán với giá bao nhiêu thì ông N không nhớ rõ nhưng khi chuyển nhượng thì hai bên C1 làm giấy tờ hợp đồng rõ ràng đúng quy định. Khi mua xong thì khoảng đến năm 2012 thì ông mới phát hiện phía ông G C1 phát sinh tranh chấp với bà H1, lúc hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng thì ở địa phương C1 xác nhận là phần đất trên không C1 tranh chấp nên ông mới mua. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn Võ Văn G trả lại phần đất thửa số 1505 (thửa mới 60), diện tích 1.050m² (diện tích mới 1.319,4m²), loại đất 2 lúa, tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long và ông không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông vì ông chuyển nhượng phần đất này đúng quy định pháp luật. Đồng thời ông yêu cầu công nhận phần đất trên cho ông sử dụng.

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 02/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người C1 quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh T2 trình bày:

Vào năm 2011, bà Võ Thị H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và đúng trình tự thủ tục đối với thửa đất số 228, diện tích 3.460m² tờ bản đồ số 30, địa chỉ xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, sau đó trong năm 2011, ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất này từ bà H1, việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ông, bà H1 thực hiện theo đúng quy định pháp luật và việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bà H1 đã thực hiện hoàn thành, ông đã được UBND huyện Tam Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC559796; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04907, ngày 11/5/2011 và ông cùng gia đình đã sử dụng ổn định thửa đất này cho tới nay.

Ngoài thửa đất nêu trên, ông và bà H1 không thực hiện giao dịch chuyển nhượng thửa đất nào khác mà việc giao dịch đang thực hiện hoặc thực hiện chưa hoàn thành nên việc yêu cầu bà H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là bất hợp lý.

Như trình bày trên, việc bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 228 là hoàn toàn hợp pháp và đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật, tiếp đó việc ông và bà H1 thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng được ông thực hiện đúng quy định của pháp luật và giao dịch đã hoàn thành từ năm 2011, việc UBND huyện Tam Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là hoàn toàn hợp pháp.

Trong T hợp này, ông là người thứ ba ngay tình trong giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự. Vì vậy, việc ông G yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 228 do ông đứng tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận được UBND huyện Tam Bình cấp là không đúng quy định của pháp luật nên ông không đồng ý và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của ông G.

Trong bản tự khai ngày 16/10/2014, 11/7/2015 và ngày 18/02/2020 người C1 quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc B1 trình bày:

Bà Võ Thị H1 chuyển nhượng cho bà quyền sử dụng đất thửa số 1557A-B, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình C1 hợp đồng bằng văn bản, cơ quan C1 thẩm quyền công chứng hợp pháp và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự pháp luật quy định với số phát hành BG 871046, số vào sổ cấp GCN: CH07631 do UBND huyện Tam Bình cấp ngày 13/01/2012 với số thửa mới 224, tờ bản đồ số 30, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.093,8m². Như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên giữa bà và bà H1 đã được thực hiện xong nên không C1 việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Bà không đồng ý việc bà Nguyễn Thị PC yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất tại thửa 224-2 như nội dung Thông báo số 59/TB-TA của Tòa án. Bởi vì: Phần đất này đã được bản án trước đây C1 hiệu lực pháp luật công nhận cho bà H1, sau đó bà H1 chuyển nhượng cho bà là hoàn toàn hợp pháp và bà đã được công nhận quyền sử dụng đất qua sổ giấy phát hành BG 871046, sổ vào sổ cấp GCN: CH07631 do UBND huyện Tam Bình cấp ngày 13/01/2012. Hiện bản án nêu trên bị hủy nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà vẫn C1 giá trị pháp lý; mặt khác bà là người mua đất ngay tình, hoàn toàn không C1 lỗi trong giao dịch nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu nêu trên của bà PC, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà theo quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại văn bản ngày 16/8/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long ý kiến: Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên là đúng quy định; đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại báo cáo số 33/BC-CCTHADS ngày 15/02/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình ý kiến: Ngày 13/01/2010 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình tổ chức cưỡng chế đo đạc giao đất theo bản án 199/2009/DS-PT ngày 10/7/2009 và xác định giá trị hoa màu trên đất đối với phần đất diện tích 3.460 m² của ông Võ Văn C1 là 2.769.730 đồng và của ông Tôi là 2.985.270 đồng. Chấp hành viên C1 mời ông Tôi và ông C1 đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình để nhận tiền nhưng ông C1 và ông Tôi không đến; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình đã gửi số tiền trên tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tam Bình.

Ngày 03/01/2013 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình C1 nhận Quyết định giám đốc thẩm số 490/2012/DS-GĐT ngày 26/9/2012 của Tòa dân sự Tòa án N dân tối cao, hủy bản án số 199/2009/DS-PT ngày 10/7/2009 của Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long và bản án số 136/2008/DS-ST ngày 21/11/2008 của Tòa án N dân huyện Tam Bình.

Căn cứ theo Luật thi hành án dân sự năm 2009, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình đã thi hành xong theo đúng trình tự thủ tục luật định.

Nay bà Ca, ông C1 C1 đơn khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình bồi thường việc thi hành hai bản án trên. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình yêu cầu Tòa án N dân huyện Tam Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 121/CV-CCTHADS, ngày 23/7/2021: Căn cứ theo các quy định pháp luật Chi cục đã tổ chức các bước và thủ tục thi hành án theo quy định nhưng các người phải thi hành án không tự nguyện thi hành theo bản án và Quyết định thi hành án nên đến ngày 13/01/2010 Chi cục đã tổ chức cưỡng chế giao tài sản cho người được thi hành án là phù hợp với các quy định của pháp luật thi hành án.

Xét về nội dung yêu cầu trả lời của Tòa án N dân huyện Tam Bình, Chi cục C1 ý kiến trả lời như sau:

Khi chi cục tiến hành cưỡng chế phần đất 521m² tại chiết thửa 1557A-B, tờ bản đồ số 07 của ông Võ Văn Tỏi, Chấp hành viên khảo sát trước khi cưỡng chế vào ngày 24/12/2009 thể hiện trên đất C1 tài sản cụ thể: là C1 02 cây mai vàng và 01 cây B2 giấy (còn nhỏ), ngoài ra theo biên bản thể hiện không còn tài sản nào khác. Các tài sản này chi cục đã tổ chức di dời đúng quy định (kèm theo biên bản). Còn những tài sản còn lại như cây dừa, cây còng, cây mận qua đối chiếu hồ sơ không thể hiện những tài sản này.

Đối với việc cưỡng chế giao quyền sử dụng đất tại thửa 1505, diện tích 1.050m²; thửa 1511, diện tích 3.460m² tọa lạc tại ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thể hiện:

Bản án phúc thẩm C1 hiệu lực thi hành án vào ngày 10/7/2009, chi cục đã ra quyết định thi hành án và yêu cầu ông G tự nguyện thi hành án vào ngày 23/8/2009. Tuy nhiên ông G, C1 vẫn tiếp tục canh tác trên phần đất phải giao nên Chi cục thi hành án được xử lý theo khoản 2 Điều 117 Luật THADS năm 2008 là phù hợp. Khi giải quyết Chi cục C1 lập biên bản thẩm định giá trị tài sản tại chỗ thể hiện phần lúa chỉ C1 33 ngày tuổi. Vì thế Chi cục giao cho người được thi hành án tiếp tục canh tác phần lúa và bồi thường giá trị tài sản cho người phải thi hành án.

Mặt khác, sau khi định giá Chi cục C1 thông báo cho ông C1 biết nhưng hết thời hạn khiếu nại theo quy định. Ông C1 và gia đình cũng không C1 ý kiến gì. Số tiền do bên nhận tài sản bồi thường ông C1 và gia đình cũng không nhận nên Chi cục đã tạm giữ theo quy định.

Tại công văn số 187/CV.THA, ngày 06/12/2021: về việc ông Võ Văn C1 yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình và bà Võ Thị H1 bồi thường số tiền 232.235.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình không đồng ý bồi thường. Với lý do là phần lúa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình giao cho bà H1 thu hoạch và thẩm định giá chi phí đầu tư trên để trả cho ông C1 (C1 biên bản kèm theo).

Xét thấy vụ việc trên Chi cục thi hành án đã giải quyết theo đúng trình tự pháp luật quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người C1 quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long trình bày trong công văn số 2038/UBND-NC, ngày 28/10/2016 như sau:

Thửa đất số 1505, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.361,8m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, do bà Võ Thị H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BB 674964. Bản án số 199/DSPT ngày 10/7/2009 của Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long đã C1 hiệu lực thi hành, do đó UBND huyện Tam Bình không xem xét lại tính pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Thửa đất số 1511, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.784,2m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, do bà Võ Thị H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BB 674965. Bản án số 199/DSPT ngày 10/7/2009 của Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long đã C1 hiệu lực thi hành, do đó UBND huyện Tam Bình không xem xét lại tính pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Bà Võ Thị H1 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Bùi Thanh T2 thửa đất số 1511, diện tích 3.784,2m² (thửa mới 228, tờ bản đồ số 30, diện tích 3.806,8m²). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND xã PT chứng thực. Đề nghị Tòa án N dân huyện Tam Bình căn cứ pháp lý theo quy định để xét xử.

Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.093,8m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, do bà Trần Thị Ngọc B1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BG 871046. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Trần Thị Ngọc B1 là do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Võ Thị H1 (thửa đất cũ số 1928, tờ bản đồ số 7, diện tích 592,5m² và thửa đất cũ số 2175, tờ bản đồ số 7, diện tích 592,5m²). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND xã PT chứng thực. Đề nghị Tòa án N dân huyện Tam Bình căn cứ pháp lý theo quy định để xét xử.

Thửa đất số 73, tờ bản đồ số 30, diện tích 3.124,7m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, do ông Hồ Đắc Thành N và bà Trần Thị Nguyệt M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BE 965040. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Hồ Đắc Thành N và bà Trần Thị Nguyệt M là do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Võ Văn Bảy (thửa đất cũ số 1923, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.124,6m²). Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND xã PT chứng thực. Đề nghị Tòa án N dân huyện Tam Bình căn cứ pháp lý theo quy định để xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người C1 quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Năm, Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Phi, Nguyễn Thị Canh, Nguyễn Văn Đẹp, Nguyễn Văn H4 cùng trình bày:

Mẹ các ông bà là bà Võ Thị B2 đã chết Ngày 16/10/2017. Các ông, bà khẳng định: Vụ kiện tranh chấp “Đòi tài sản” giữa ông G và bà H1 mà TAND huyện Tam Bình – Vĩnh Long đang thụ lý giải quyết không C1 liên quan gì đến cá ông, bà nên không C1 yêu cầu gì và không tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người C1 quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị Nguyệt M trình bày trong bản tự khai ngày 29/06/2015;

Đòi tài sản giữa ông G, ông C1 và bà Ca với bà H1 phần đất tại thửa 1501 (thửa mới 60), diện tích 1.319,4m² do bà và chồng bà đứng tên trên đất tại PH, PT, Tam Bình, Vĩnh Long do vợ chồng bà mua lại vào năm 2011. Nay bà không đồng ý trả lại QSDĐ và không đồng ý nhận lại tiền gì hết. Đối với giá đất theo quy định nhà nước hay giá chuyển nhượng thực tế tôi đều thống nhất theo xác nhận của UBND xã PT.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/ DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; Điều 34 điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; 165, khoản 3 Điều 200; khoản 2 Điều 227, 228, 244, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 234, khoản 2 Điều 238, Điều 604, 605, 606, khoản 3 Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 133, Điều 584, 585, 586, 589, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, 106 của Luật đất đai 2003; Điều 117, khoản 3 Điều 135 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, khoản 4 Điều 26, khoản 2, Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị PC, ông Võ Văn G, ông Võ Văn C1; Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bùi Thanh T2, ông Hồ Đắc Thành N.

Buộc bà Võ Thị H1 trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn G phần đất thửa 1511 và thửa 1505 bằng 1.246.232.000đ; trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị PC, anh Võ Ngọc M T1, anh Võ Ngọc Hải A, anh Võ Ngọc M T2 phần đất thửa 1557A-B bằng 663.000.000đ và bồi thường thiệt hại cho ông Võ Văn C1 là 13.530.000đ.

Bà Nguyễn Thị PC và ông Võ Văn C1 được nhận lại giá trị tài sản bị cưỡng chế và tính lãi theo quy định.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện bà PC đã rút nêu trên.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hồ Đắc Thành N, Bùi Thanh T2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G, bà Nguyễn Thị PC yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Thanh T2; ông Hồ Đắc Thành N và bà Trần Thị Nguyệt M và bà Trần Thị Ngọc B1.

Ông Trần Ngọc Q2 phải di dời 05 máy lạnh trên phần diện tích lán xi măng ngang 1,8m x 4m trên thửa đất 265, diện tích 572,8m² của bà Trần Thị Ngọc B1.

Không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của bà Võ Thị H1 về việc yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu tiếp tục thi hành án bản án số 199/2009/DS-PT ngày 10/7/2009 của Tòa án N tỉnh Vĩnh Long phần đất vườn, diện tích 2.000 m², thuộc thửa 56 của ông Võ Văn G.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 26, 27 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị PC kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm buộc bà H1 trả các nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất; yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn không khiếu nại kết quả định giá của hội đồng định giá cấp sơ thẩm; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự khác giữ nguyên ý kiến tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến tố tụng và tham gia tố tụng tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông G và bà PC, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử lý án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ, hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 228 và 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 293 và 298 của Bộ luật tố tụng dân sự: là kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Đắc Thành N, Bùi Thanh T2 và bà Trần Thị Ngọc B1 và yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất, không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị PC không C1 căn cứ chấp nhận, bởi vì:

Phần đất ông G và bà PC khởi kiện tranh chấp gồm thửa số 1511, thửa 1505 và thửa 1557A-B đã được công nhận bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 199/2009/DS-PT ngày 10/7/2009 của Tòa án N dân tỉnh Vĩnh Long C1 hiệu lực pháp luật; thi hành án xong, bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng lại cho ông N, ông T2, bà B1 và các đương sự này cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới C1 quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại đất đồng thời căn cứ vào nhận định tại Quyết định giám đốc thẩm số 490/2012/DS-GĐT ngày 26/9/2012 của Tòa án N dân Tối cao là tình tiết không phải chứng M để buộc bà H1 bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất theo định giá cho ông G 1.246.232.000đ, cho bà PC, anh T1, Hải A và

M T2 663.000.000đ là đúng quy định tại Điều 258, khoản 2 điều 138 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 điều 135 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà PC phải nộp 300.000đ; ông G là người cao tuổi thuộc T hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[2.3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị C1 hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị PC.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều Điều 258, khoản 2 điều 138 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 điều 133 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 điều 135 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Điều 12 và 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn G và bà Nguyễn Thị PC.

Buộc bà Võ Thị H1 trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn G phần đất thửa 1511 (thửa mới 228): $(3.755,1m^2 \times 260.000đ/m^2)$ là 976.326.000đ và thửa 1505 (thửa mới 60): $(1.038,1m^2 \times 260.000đ/m^2)$ với số tiền là 269.906.000đ. Tổng số tiền là 1.246.232.000đ (*Một tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn đồng*) và trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị PC, anh Võ Ngọc M T1, anh Võ Ngọc Hải A, anh Võ Ngọc M T2 phần đất thửa 1557A-B, (thửa mới 265): $(552,5m^2 \times 1.200.000đ/m^2)$ với số tiền là 663.000.000đ (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày C1 đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn G và bà

Nguyễn Thị PC về việc yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần lượt như sau:

Giấy chứng nhận BC 559796, ngày 11/05/2011 của Ủy ban N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho ông Bùi Thanh T2 đối với thửa đất 228, diện tích 3.806,8m², loại đất trồng cây LÂ năm, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Giấy chứng nhận BE 995627, ngày 04/11/2011 của Ủy ban N dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho vợ chồng ông Hồ Đắc Thành N và bà Trần Thị Nguyệt M đối với thửa đất 60, diện tích 1.319,4m², loại đất trồng cây LÂ năm, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Giấy chứng nhận CV 177036, ngày 17/03/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Long đã cấp cho bà Trần Thị Ngọc B1 đối với thửa đất 265, diện tích 572,8m², loại đất trồng cây LÂ năm, tọa lạc ấp PH, xã PT, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí cho ông Võ Văn G.

Bà Nguyễn Thị PC C1 nghĩa vụ nộp 300.0000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0010762 ngày 27/01/2022, bà PC đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị C1 hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự C1 quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Bản án phúc thẩm C1 hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án N dân Cấp cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm T Thọ

